



QUỐC TẾ HÓA ĐỒNG NHÂN DÂN TỆ DƯỚI GÓC NHÌN KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Nguồn: Hyung-kyu Chey (2013). "Can the Renminbi Rise as a Global Currency? The Political Economy of Currency Internationalization", *Asian Survey*, Vol. 53, No. 2 (March/April), pp. 348-368.

Biên dịch: Hà Thị Thu Hà | **Hiệu đính:** Nguyễn Hoàng Mỹ Phương

Do quyền lực chính trị quốc tế và nền kinh tế của Trung Quốc chưa đủ mạnh, cho nên ít nhất trong thời gian tới, đồng nhân dân tệ của Trung Quốc chưa chắc đã thay thế được đồng đô la Mỹ để trở thành đồng tiền quốc tế hàng đầu, tuy nhiên trong chừng mực nào đó, nó có thể phát triển thành đồng tiền châu Á.

Kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-09, chính phủ Trung Quốc đã bắt đầu đẩy mạnh quốc tế hóa đồng nhân dân tệ (NDT).¹ Việc làm được chú trọng đầu

¹ Một đồng tiền được xem là đồng tiền quốc tế khi thực hiện ba chức năng - phương tiện trao đổi, đơn vị đo lường, và nơi lưu trữ giá trị - ở hai cấp độ khác nhau, đối với giao dịch công và tư, nằm ngoài quốc gia của đồng tiền đó. Là phương tiện trao đổi, ở cấp độ tư, đồng tiền quốc tế được sử dụng để thanh toán các giao dịch kinh tế quốc tế, trong khi đó, ở cấp độ công, nó đóng vai trò như một đồng tiền can thiệp của thị trường ngoại hối. Là đơn vị đo lường, ở cấp độ tư, nó được sử dụng trong các giao dịch kinh tế quốc tế hoặc là cái neo để các chính phủ neo đồng tiền của mình vào khi ở cấp độ công. Là nơi lưu trữ giá trị, đối với tư nhân, họ sử dụng đồng tiền quốc tế như tài sản dùng để đầu tư hay đối với chính phủ, họ sử dụng như đồng tiền dự trữ. Số lượng đồng tiền quốc tế có thể thực hiện được tất cả các chức năng này rất hiếm. Hiện nay, trên phạm vi toàn cầu, chỉ có duy nhất đồng đô la Mỹ là đảm nhận được những chức năng đó và đóng vai trò là đồng tiền quốc tế chủ chốt trong nền kinh tế thế giới. Còn một số đồng tiền khác như đồng euro và đồng yên cũng đảm nhận được tất cả những chức năng đó nhưng chúng chỉ được sử dụng hạn chế trong một số khu vực địa lý. Xem Benjamin J. Cohen, *The Future of Sterling as an International Currency* (London: Macmillan, 1971), pp 28-32.

tiên là tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng đồng NDT trong thương mại quốc tế và phát triển một thị trường đồng NDT ở nước ngoài tại Hồng Kông.²

Ví dụ, Bắc Kinh đã cho phép sử dụng đồng NDT trong thanh toán thương mại xuyên biên giới, thiết lập các thỏa thuận hoán đổi tiền tệ song phương với 19 quốc gia/vùng lãnh thổ (bắt đầu từ tháng 2/2013) và cho phép phát hành trái phiếu định danh bằng NDT còn gọi là trái phiếu "*dim sum*" tại Hồng Kông.³ Hơn nữa, chính phủ Trung Quốc đã cho phép các ngân hàng ở nước ngoài chuyển đồng NDT qua lại lẫn nhau nhằm mở đường cho việc tạo ra các sản phẩm tài chính định danh bằng NDT. Trung Quốc cũng cho phép ngân hàng trung ương nước ngoài giao dịch hoán đổi tiền tệ với Trung Quốc và các ngân hàng nước ngoài tham gia thanh toán thương mại xuyên biên giới bằng đồng NDT để đầu tư vào thị trường trái phiếu liên ngân hàng của Trung Hoa đại lục, mở ra nhiều cơ hội đầu tư cho những nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ đồng NDT. Bắc Kinh cũng cho phép nước ngoài trực tiếp đầu tư vào đại lục (FDI) bằng đồng NDT thu được từ nước ngoài. Cuối cùng, Bắc Kinh cũng đã bắt đầu cung cấp viện trợ nước ngoài bằng đồng NDT.

Gần đây, những nỗ lực của chính phủ Trung Quốc đối với việc quốc tế hóa đồng NDT đã bắt đầu gặt hái được những kết quả ý nghĩa. Chẳng hạn như lượng giao dịch thương mại xuyên biên giới dùng đồng NDT đã tăng vọt từ 3,6 tỷ NDT (530 triệu đô la) trong nửa cuối năm 2009 lên 312,6 tỷ NDT (46,9 tỷ đô la) trong quý IV năm 2010, quý I năm 2011 có khoảng 7% tổng giá trị thương mại quốc tế của Trung Quốc là dùng đồng NDT, một bước nhảy vọt so với chỉ 1% của năm trước đó. Tiền gửi bằng đồng NDT tại ngân hàng và phát hành trái phiếu *dim sum* tại Hồng Kông cũng tăng đột biến, từ 64 tỷ NDT (9,37 tỷ đô la) giữa tháng 1/2010 tăng lên 609 tỷ NDT (95,35 tỷ đô la) vào tháng 8/2011, và từ 16 tỷ NDT (2,34 tỷ đô la) năm 2009 tăng lên 35,7 tỷ NDT (5,28 tỷ đô la) vào năm 2010. Đồng NDT trong

² Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã khiến những điểm yếu của Trung Quốc phải đối mặt với những nguy hiểm đáng kể vốn có trong hệ thống tiền tệ quốc tế hiện đang được thống trị bởi đồng đô la Mỹ, chẳng hạn như những rủi ro liên quan tới việc nắm giữ lượng dự trữ khổng lồ bằng đồng đô la. Điều này dường như giải thích một phần lý do tại sao chính phủ nước này đã bắt đầu theo đuổi công cuộc quốc tế hóa đồng nhân dân tệ kể từ cuộc khủng hoảng. Xem "Future of the Yuan: China's Struggle to Internationalize Its Currency" của Sebastian Mallaby và Oline Wething đăng trên *Foreign Affairs* 91: 1 (Tháng 1/2 năm 2012), trang 138–40.

³ 19 quốc gia/vùng lãnh thổ đã thiết lập giao dịch hoán đổi tiền tệ song phương với Trung Quốc là Hàn Quốc, Hồng Kông, Malaysia, Belarus, Argentina, Indonesia, Singapore, Iceland, New Zealand, Uzbekistan, Mông Cổ, Kazakhstan, Thái Lan, Pakistan, các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất, Thổ Nhĩ Kỳ, Úc, Brazil và Đài Loan. Các giao dịch hoán đổi này có thể giúp quốc tế hóa đồng nhân dân tệ như thế nào sẽ được thảo luận chi tiết trong phần sau. Phát hành trái phiếu *dim sum* sẽ khuyến khích nắm giữ đồng nhân dân tệ bằng cách tăng cường khối lượng tài sản mà đồng nhân dân tệ có thể được đầu tư.

“miếng bánh” doanh số của thị trường ngoại hối toàn cầu tăng gần gấp đôi trong khoảng thời gian từ năm 2007 đến năm 2010, mặc dù vẫn chỉ chiếm 0,9%.⁴

Trong khi đó, sức hấp dẫn nội tại về mặt kinh tế của đồng đô la Mỹ - với vai trò là đồng tiền quốc tế - đã giảm đi đáng kể kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, chủ yếu là do chính sách nới lỏng tiền tệ và tài khóa của Mỹ nhằm phục hồi nền kinh tế đã làm xói mòn niềm tin dài hạn của nước ngoài về đồng đô la.⁵ Sức hấp dẫn của đồng euro - đối thủ tiềm năng mạnh nhất của đồng đô la - cũng đã bị hoen ố nghiêm trọng bởi cuộc khủng hoảng nợ châu Âu. Trong bối cảnh đó, việc quốc tế hóa đồng NDT đã và đang thu hút rất nhiều chú ý và do những tác động kinh tế chính trị quan trọng đối với cả Trung Quốc và các quốc gia trên thế giới mà việc quốc tế hóa này đã trở thành vấn đề trung tâm liên quan đến tương lai của hệ thống tiền tệ toàn cầu.

Những lợi ích tiềm tàng chính về mặt kinh tế mà Trung Quốc dự kiến đạt được từ việc quốc tế hóa đồng NDT bao gồm lợi ích từ việc in tiền trên phạm vi quốc tế;⁶ khả năng chi trả cho sự thâm hụt của cán cân thanh toán (nếu có phát sinh) bằng chính đồng NDT và tiếp theo là mở rộng tính linh hoạt của kinh tế vĩ mô; giảm rủi ro của hiện tượng chênh lệch tiền tệ (currency mismatch); lợi nhuận kinh doanh cho các tổ chức tài chính trong nước xuất phát từ lợi thế cạnh tranh do giao dịch bằng đồng NDT; chuyển rủi ro tỷ giá hối đoái từ các công ty trong nước sang các đối tác nước ngoài; tăng sức mua của người tiêu dùng trong nước bằng việc tăng giá trị của đồng NDT do khả năng chấp nhận rộng rãi của chúng.⁷

⁴ Tổng doanh số của các loại tiền tệ trên thị trường ngoại hối tính theo tỉ lệ phần trăm là 200% chứ không phải 100% bởi trong mỗi giao dịch sẽ có mặt 2 loại tiền.

⁵ Trên thực tế, tháng 8/2011, Standard and Poor's, tổ chức xếp hạng tín dụng lớn thứ hai trên thế giới đã hạ mức xếp hạng tín dụng dài hạn của Mỹ từ AAA xuống còn AA+, phần lớn là do mối lo ngại tình hình tài khóa của Mỹ. Tuy nhiên, đồng đô la vẫn tiếp tục đóng vai trò là đồng tiền ẩn náu an toàn, như ngay cả trong suốt cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu mặc dù cuộc khủng hoảng này bắt nguồn từ Mỹ, bởi hiện nay không có đồng tiền nào đủ mạnh có thể thay thế được đồng đô la.

⁶ Lợi ích từ việc in tiền đề cập đến doanh thu hoặc lợi nhuận phát sinh từ việc in tiền. Lợi ích này được phát sinh ở phạm vi quốc tế khi người nước ngoài nắm giữ đồng tiền nội địa (của nước in tiền), hoặc giao dịch tài chính định danh bằng đồng tiền đó, trong trao đổi hàng hóa và dịch vụ. Xem Menzie Chinn and Jeffrey A. Frankel, "Will the Euro Eventually Surpass the Dollar as Leading International Reserve Currency?" in *G7 Current Account Imbalances: Sustainability and Adjustment*, ed. Richard H. Clarida (Chicago: University of Chicago Press, 2007), p. 289; and Benjamin J. Cohen, "Currency and State Power", bài nghiên cứu này được phát biểu tại hội thảo nhằm tôn vinh Stephen D. Krasner, tổ chức bởi Stanford University, December 4–5, 2009, p. 10.

⁷ Sự gia tăng giá trị của đồng nhân dân tệ tất nhiên cũng có thể làm tăng chi phí lên nền kinh tế Trung Quốc, nếu mô hình phát triển kinh tế của Trung Quốc tiếp tục phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu. Thảo luận chung về lợi ích và chi phí kinh tế cho việc phát hành đồng tiền quốc tế, xem Hyoung-kyu Chey, "Theories of International Currencies and the Future of the World Monetary Order", *International Studies Review* 14:1 (March 2012), pp. 54–56. Thảo luận tập trung vào quốc tế hóa đồng nhân dân tệ, xem Barry Eichengreen, "The Renminbi as an International Currency", *Journal of*

Hơn nữa, việc quốc tế hóa đồng NDT cũng có thể củng cố thêm quyền lực chính trị của Trung Quốc. Về lợi ích trong nước, Trung Quốc có thể tăng cường sự tự chủ chính sách của quốc gia khỏi ảnh hưởng của thị trường bởi việc quốc tế hóa sẽ giúp Bắc Kinh tăng cường khả năng tránh được gánh nặng của việc điều chỉnh tình trạng mất cân bằng thanh toán.⁸ Quyền tự chủ của Trung Quốc so với các quốc gia khác cũng có thể được tăng cường bởi việc sử dụng đồng tiền của chính đất nước mình trong các hoạt động giao dịch kinh tế quốc tế, giúp nước này bớt phụ thuộc vào ngoại tệ, qua đó giảm ảnh hưởng của nước ngoài. Việc sử dụng đồng NDT trên toàn cầu cũng có khả năng giúp Trung Quốc nâng cao quyền lực đối với các nước khác, gia tăng “quyền lực cứng” nhằm ép buộc các quốc gia đang phụ thuộc vào đồng NDT trong các hoạt động kinh tế quốc tế phải chấp nhận trao cho Trung Quốc quyền ảnh hưởng hoặc lợi thế chính trị quan trọng.⁹ Việc quốc tế hóa đồng NDT cũng có thể tăng cường quyền lực cấu trúc (*structural power – tức quyền lực được định hình và lan tỏa thông qua cấu trúc hệ thống quốc tế nhờ vị thế ưu việt của một quốc gia trong hệ thống đó - NBT*) của đất nước: chẳng hạn như sự phụ thuộc của nước ngoài vào đồng NDT có thể làm thay đổi nhận thức của nước đó về lợi ích riêng của họ theo hướng có lợi cho Trung Quốc, khiến họ tự thấy có lợi ích trong việc giúp ổn định đồng NDT.¹⁰ Hơn nữa, việc sử dụng đồng NDT trên toàn cầu cũng giúp Trung Quốc tăng cường quyền lực mềm – khả năng đạt được những gì quốc gia này mong muốn thông qua thuyết phục hoặc thu hút hơn là việc sử dụng biện pháp ép buộc hoặc mua chuộc. Từ lâu tiền tệ đã được xem là biểu tượng hữu hình của chủ quyền, việc sử dụng tiền tệ rộng khắp thế giới đã nói

Policy Modeling 33:5 (September/October 2011), pp. 723–30; and Wen Hai and Hongxin Yao, “Pros and Cons of International Use of the RMB for China”, in *Currency Internationalization: Global Experiences and Implications for the Renminbi*, ed. Wensheng Peng and Changshu (London: Palgrave Macmillan, 2010), pp. 139–66.

⁸Xem Benjamin Cohen, “The Macrofoundations of Monetary Power”, in *International Monetary Power*, ed. David M Andrews (Ithaca, N.Y.: Cornell University Press, 2006), pp. 31–50; and Eric Helleiner and Jonathan Kirshner, “The Future of the Dollar: Whither the Key Currency?” in *The Future of the Dollar*, ed. Eric Helleiner and Jonathan Kirshner (Ithaca, N.Y.: Cornell University Press, 2009), pp. 1–23. Khác với Mỹ, từ lâu Trung Quốc đã thực hiện chính sách thắt dư cán cân thanh toán, việc làm này có thể giảm bớt tầm quan trọng lợi ích tiềm năng từ việc quốc tế hóa đồng nhân dân tệ. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng trong chừng mực nào đó, do việc sử dụng đồng nhân dân tệ trên bình diện quốc tế nên Trung Quốc sẽ phải cung cấp đủ số lượng nhân dân tệ cho toàn cầu và một kênh chính cho việc làm này là thông qua thâm hụt cán cân thanh toán.

⁹ Xem Benjamin J. Cohen, *The Geography of Money* (Ithaca, N.Y.: Cornell University Press, 1998); and Jonathan Kirshner, *Currency and Coercion: The Political Economy of International Monetary Power* (Princeton, N.J.: Princeton University Press, 1995).

¹⁰Xem Jonathan Kirshner, “Dollar Primacy and American Power: What’s at Stake?” *Review of International Political Economy* 15:3 (August 2008), pp. 424–25; and Helleiner and Kirshner, “The Future of the Dollar”, p. 6.

lên một điều rằng quốc gia phát hành đồng tiền đó đã nâng cao được vị thế của mình trên trường quốc tế.¹¹

Liệu đồng NDT có thực sự trở thành đồng tiền toàn cầu? Trong những năm gần đây, ngày càng nhiều nghiên cứu đã có thể trả lời cho câu hỏi này.¹² Tạm đặt những phân tích trên báo chí sang một bên, phần lớn các nghiên cứu hàn lâm nghiêm túc có cái nhìn thận trọng hoặc bi quan về khả năng này. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, có nhiều quan điểm lạc quan xuất hiện. Ví dụ, báo cáo hàng năm của Ủy ban Đánh giá Kinh tế và An ninh Mỹ - Trung năm 2011 gửi tới Quốc hội Mỹ

¹¹ Xem Cohen, *The Geography of Money*, p. 121; and Eric Helleiner, "Below the State: Micro-Level Monetary Power", in Andrews, ed., *International Monetary Power*, p. 82. Trên thực tế, những lợi ích chính trị tiềm tàng của việc quốc tế hóa đồng nhân dân tệ có thể được xem là nhân tố chính lý giải cho sự thúc đẩy tích cực của chính phủ Trung Quốc hiện nay. Việc quốc tế hóa đồng nhân dân tệ cùng với các lợi ích chính trị này cũng có thể làm phát sinh chi phí đáng kể cho Trung Quốc, đó có thể là những hạn chế trong chính sách tiền tệ trong nước bởi sự nắm giữ đồng nhân dân tệ của nước ngoài, mất khả năng sử dụng tỷ giá hối đoái với vai trò là công cụ chính sách kinh tế vĩ mô và bất lợi trong lĩnh vực xuất khẩu do ảnh hưởng của việc đồng nhân dân tệ tăng giá. Quả thực, trước đây cũng chính bởi mối lo ngại về các khoản chi phí như vậy cho nên Nhật Bản và Đức cũng đã chần chừ trong việc đẩy mạnh quốc tế hóa đồng tiền của mình. Đối với một quốc gia, bất chấp những chi phí tiềm tàng như thế để theo đuổi việc quốc tế hóa tiền tệ thì quốc gia đó có lẽ phải có động cơ mạnh mẽ, và dường như các lợi ích chính trị tiềm tàng từ việc quốc tế hóa đồng nhân dân tệ đã thúc đẩy chính phủ Trung Quốc thực hiện việc này. Trong khi đó, không giống Trung Quốc, Nhật Bản và Đức là các nước đồng minh thân cận với Mỹ cho nên những tác động của quốc tế hóa tiền tệ này có thể được nhìn nhận là chi phí chính trị ngoài ý muốn hơn là lợi ích, và có thể làm nảy sinh xung đột với Mỹ. Có những dấu hiệu về vấn đề này cho thấy các nhà hoạch định chính sách châu Âu cũng miễn cưỡng thúc đẩy quốc tế hóa đồng euro, một phần là do lo ngại điều này sẽ gây ra căng thẳng về mặt chính trị với Mỹ. Xem Benjamin J. Cohen, "Dollar Dominance, Euro Aspirations: Recipe for Discord?" *Journal of Common Market Studies* 47:4 (September 2009), p. 759.

¹² Có thể xem Xiaoli Chen and Yin-Wong Cheung, "Renminbi Going Global", *China & World Economy* 19:2 (March/April 2011), pp. 1–18; Benjamin J. Cohen, "The Yuan Tomorrow? Evaluating China's Currency Internationalisation Strategy", *New Political Economy* 17:3 (July 2012), pp. 361–71; Wendy Dobson and Paul R. Masson, "Will the Renminbi Become a World Currency?" *China Economic Review* 20:1 (March 2009), pp. 124–35; Eichengreen, "The Renminbi as an International Currency"; Marcel Fratzscher and Arnaud Mehl, *China's Dominance Hypothesis and the Emergence of A Tripolar Global Currency System* (Frankfurt: European Central Bank, 2011); Takatoshi Ito, "China's Number One: How about the Renminbi?" *Asian Economic Policy Review* 5:2 (December 2010), pp. 249–76; Eric Helleiner and Anton Malkin, "Sectoral Interests and Global Money: Renminbi, Dollars, and the Domestic Foundations of International Currency Policy", *Open Economies Review* 23:1 (February 2012), pp. 33–55; Nicholas Lardy and Patrick Douglass, *Capital Account Liberalization and the Role of the Renminbi* (Washington, D.C.: Peterson Institute for International Economics, 2011); Jong Wha Lee, "Will the Renminbi Emerge as an International Reserve Currency?" *Asian Development Bank 2010*, <<http://aric.adb.org/grs/report.php?p¼Lee>>, accessed April 16, 2011; Mallaby and Wethington, "The Future of the Yuan"; Yung Chul Park, "RMB Internationalization and Its Implications for Financial and Monetary Cooperation in East Asia", *China & World Economy* 18:2 (March/April 2010), pp. 1–21; Peng and Shu, eds., *Currency Internationalization*; Arvind Subramanian, *Renminbi Rules: The Conditional Imminence of the Reserve Currency Transition* (Washington, D.C.: Peterson Institute for International Economics, 2011); U.S.- China Economic and Security Review Commission, *2011 Report to Congress*, <http://www.uscc.gov/annual_report/2011/annual_report_full_11.pdf>, accessed November 17, 2011; Friedrich Wu, "The Renminbi Challenge", *International Economy* (Fall 2009), pp. 32–35, 53; and Friedrich Wu, Rongfang Pan, and Di Wang, "Renminbi's Potential to Become a Global Currency", *China & World Economy* 18:1 (January/February 2010), pp. 63–81.

đã cho thấy rằng “có lẽ trong vòng 5 đến 10 năm tới việc đồng NDT có thể tạo ra những thách thức cho đồng đô la dường như không còn khó tưởng tượng nữa”.¹³ Trong khi đó, nghiên cứu gần đây của Ngân hàng Trung ương châu Âu cho biết hệ thống tiền tệ quốc tế chính là hệ thống tiền tệ ba cực, trong đó đồng NDT chiếm một cực và hai cực còn lại là đồng đô la và đồng euro.¹⁴

Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu đó đều có cùng một hạn chế quan trọng: bất kể là quan điểm tiêu cực hay tích cực về việc quốc tế hóa đồng NDT - đó là các nhà nghiên cứu hầu như chỉ xem xét vấn đề từ góc độ kinh tế mà ít chú ý đến các vấn đề chính trị.¹⁵ Theo những chi tiết ở trên thì thật kì lạ khi vấn đề chính trị đã không được đề cập tới vì những tiến bộ vượt bậc gần đây trong việc quốc tế hóa đồng NDT phần lớn là kết quả của các chính sách tích cực của chính phủ Trung Quốc. Trên thực tế, quốc tế hóa tiền tệ chủ yếu là các vấn đề kinh tế chính trị, thành công hay thất bại của công cuộc này chịu ảnh hưởng không chỉ của nhân tố kinh tế mà còn cả nhân tố chính trị nữa. Để tin cậy hơn nữa thì việc phân tích tính khả thi của việc quốc tế hóa đồng NDT nên cân nhắc kĩ lưỡng cả điều kiện chính trị lẫn điều kiện kinh tế.¹⁶

Bài nghiên cứu này hướng sự chú ý đến vai trò của một nhân tố chính trị mang tính hệ thống đặc biệt: quyền lực chính trị quốc tế. Quyền lực chính trị quốc tế của một nước có thể ảnh hưởng đến việc sử dụng đồng tiền của nước đó trên phạm vi quốc tế bằng cách ảnh hưởng tới sự tín nhiệm của nước ngoài về đồng tiền đó. Đây là một trong những đặc tính kinh tế cốt lõi của đồng tiền quốc tế. Quyền lực chính trị toàn cầu không chính thức của quốc gia phát hành tiền cũng có thể thúc đẩy trực tiếp việc sử dụng đồng tiền của quốc gia đó ở phạm vi quốc tế bằng cách tích cực khuyến khích các quốc gia khác sử dụng đồng tiền đó thông qua việc cung cấp các hỗ trợ về mặt quân sự, ngoại giao hoặc kinh tế, thậm chí là ép buộc.

¹³ U.S.-China Economic and Security Review Commission, *2011 Report to Congress*, p. 37.

¹⁴ Fratzscher and Mehl, *China's Dominance Hypothesis*. Tuy nhiên, có người cho rằng lập luận của nghiên cứu này được phóng đại bởi nó chỉ tập trung duy nhất vào một chức năng tiền tệ của đồng nhân dân tệ với vai trò là đồng tiền quốc tế - đó là chức năng đo lường, mà không kiểm tra vai trò thực sự của đồng nhân dân tệ trên toàn thế giới với chức năng là phương tiện trao đổi và nơi lưu trữ giá trị - đây là hai chức năng chính khác của đồng tiền quốc tế. Nói đúng hơn, trên thực tế, nghiên cứu này chỉ tìm thấy một số bằng chứng thực nghiệm cho thấy, với tiêu chuẩn nhất định, đồng nhân dân tệ đã có ảnh hưởng rất lớn mặc dù không hoàn toàn chi phối nhưng cũng ảnh hưởng đến cách vận hành tỷ giá hối đoái của các nền kinh tế mới nổi trong khu vực châu Á từ giữa những năm 2000.

¹⁵ Các ngoại lệ đáng chú ý là Cohen “The Yuan Tomorrow?”; và Helleiner and Malkin, “Sectoral Interests and Global Money”.

¹⁶ Để có được cuộc khảo sát toàn diện các tài liệu về tiền tệ quốc tế và tương lai của hệ thống tiền tệ quốc tế, nên bao gồm cả khoa học chính trị và kinh tế, xem Chey, “Theories of International Currencies and the Future of the World Monetary Order”.

Hoặc quốc gia phát hành tiền có thể tự nguyện cung cấp các ưu đãi cho các quốc gia khác nhằm củng cố mối quan hệ thông qua việc sử dụng ngày càng nhiều đồng tiền của quốc gia đó. Về mặt này, nếu như trong tương lai gần quyền lực chính trị toàn cầu của Mỹ tiếp tục vượt qua Trung Quốc thì việc mở rộng phạm vi sử dụng đồng NDT có thể sẽ gặp nhiều khó khăn.

Việc quốc tế hóa đồng NDT chắc hẳn cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi nhân tố kinh tế. Và về mặt này, trái ngược với lý giải thông thường, bài nghiên cứu này không coi mức độ tự do hóa tài chính thấp hiện nay ở Trung Quốc, bao gồm việc tài khoản vốn không được tự do chuyển đổi, là vấn đề lớn nhất cản trở quá trình quốc tế hóa đồng NDT. Tuy nhiên, phân tích của tôi cho rằng quy mô kinh tế còn hạn chế của Trung Quốc dù tăng trưởng đáng kể trong suốt các thập niên vừa qua cũng như các kênh cung cấp đồng NDT cho thế giới vẫn còn hạn hẹp sẽ có khả năng gây ra những trở ngại kinh tế quan trọng cho việc sử dụng đồng NDT trên toàn cầu.

Cuối cùng, bài nghiên cứu này cho thấy trong tương lai gần, đồng NDT dường như không có khả năng thay thế đồng đô la để trở thành đồng tiền quốc tế hàng đầu. Tuy nhiên, bài viết lập luận rằng trong chừng mực nào đó, đồng NDT có thể phát triển thành đồng tiền khu vực của châu Á bởi Trung Quốc có sức ảnh hưởng lớn trong khu vực này.

Phần còn lại của bài nghiên cứu này được tổ chức như sau. Đầu tiên, tìm hiểu các nhân tố kinh tế sau đó là nhân tố chính trị có thể ảnh hưởng đến việc quốc tế hóa đồng NDT, qua đó đánh giá tính khả thi của quá trình này ở phạm vi toàn cầu. Sau đó, bài nghiên cứu xem xét tính khả thi của việc quốc tế hóa đồng NDT ở phạm vi châu Á. Phần cuối cùng là kết luận.

Điều kiện kinh tế tác động đến quá trình quốc tế hóa đồng NDT

Mặc dù nỗ lực quốc tế hóa đồng NDT của chính phủ Trung Quốc có thể là một nhân tố ảnh hưởng đến thành công hay thất bại của kế hoạch nhưng bản thân nó không đảm bảo chắc chắn cho thành công.¹⁷ Quốc tế hóa tiền tệ là một quá trình phức tạp chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố khác nhau. Từ lâu, các chuyên gia kinh tế đã đề cập đến một danh sách các nhân tố kinh tế ảnh hưởng đến quốc tế hóa tiền tệ.

¹⁷Cần lưu ý là mặc dù chính phủ Nhật Bản đã đẩy mạnh việc quốc tế hóa đồng yên từ cuối những năm 1990 nhưng cuối cùng cũng đã thất bại. Xem William W. Grimes, "Internationalization of the Yen and the New Politics of Monetary Insulation", in *Monetary Orders: Ambiguous Economics, Ubiquitous Politics*, ed. Jonathan Kirshner (Ithaca, N.Y.: Cornell University Press, 2003), pp. 172–94; and Saori N. Katada, "From a Supporter to a Challenger? Japan's Currency Leadership in Dollar-dominated East Asia", *Review of International Political Economy* 15:3 (August 2008), pp. 399–417.

Các nhân tố này có thể chia thành hai nhóm chính, đó là sự tin cậy và tính tiện lợi – trong đó những nhân tố ảnh hưởng đến tính tiện lợi bao gồm 2 nhóm con, đó là tính thanh khoản và mạng lưới giao dịch.¹⁸ Sự tin tưởng vào tính ổn định giá trị của đồng tiền là cần thiết đối với việc sử dụng tiền tệ trên toàn cầu vì tính không ổn định giá trị của đồng tiền sẽ làm tăng thêm rủi ro trong việc nắm giữ đồng tiền đó và theo đó cũng làm giảm sức hút của vai trò lưu trữ giá trị của đồng tiền. Độ tin cậy vào một đồng tiền có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố như chính sách tài khóa và tiền tệ của chính phủ, tài khoản vãng lai của quốc gia phát hành tiền và tình trạng nợ ròng, tất cả những nhân tố này đều ảnh hưởng đến khả năng trả nợ quốc gia.¹⁹ Ngoài ra, thanh khoản cũng là điều kiện kinh tế quan trọng đối với việc sử dụng đồng tiền rộng khắp thế giới bởi các quốc gia sử dụng đồng tiền quốc tế luôn luôn nắm giữ nó dưới dạng tài sản sinh lợi, có tính thanh khoản hơn là nắm giữ chính đồng tiền đó. Hơn nữa, sự tồn tại các thị trường tài chính mở và phát triển tốt tại quốc gia phát hành tiền là điều quan trọng đối với việc sử dụng đồng tiền quốc tế: các thị trường tài chính này giúp giảm chi phí giao dịch.²⁰ Trong nền kinh tế toàn cầu, việc sử dụng đồng tiền quốc tế chịu ảnh hưởng bởi quy mô mạng lưới giao dịch của quốc gia phát hành tiền bởi lợi ích của việc sử dụng một đồng tiền cụ thể sẽ gia tăng cùng với số lượng các bên khác sử dụng tiền tệ do các tác nhân bên ngoài mạng lưới, cũng tương tự như việc toàn cầu sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chung.²¹ Vì vậy, các nhân tố quyết định sự hội nhập của quốc gia phát hành tiền vào nền kinh tế toàn cầu, chẳng hạn như quy mô nền kinh tế và tỉ trọng trong thương mại quốc tế, sẽ ảnh hưởng tới việc sử dụng đồng tiền quốc tế.²²

¹⁸Theo sự phân chia của Enrich Helleiner thì có 3 nhân tố kinh tế quyết định tình hình tiền tệ quốc tế. Xem "Political Determinants of International Currencies: What Future for the U.S. Dollar?" *Review of International Political Economy* 15:3 (August 2008), pp. 354–78. Tuy nhiên, ông không chú tâm đến đặc tính chung của tính thanh khoản và mạng lưới giao dịch, ngoài tính tiện lợi, có thể là do các nhân tố ảnh hưởng đến tính thanh khoản và các nhân tố ảnh hưởng đến giao dịch là tương đối khác nhau.

¹⁹Ewe-Ghee Lim, *The Euro's Challenge to the Dollar: Different Views from Economists and Evidence from COFER (Currency Composition of Foreign Exchange Reserves) and Other Data* (Washington, D.C.: International Monetary Fund, 2006); and George S. Tavlas and Yuzuru Ozeki, *The Internationalization of Currencies: An Appraisal of the Japanese Yen* (Washington, D.C.: International Monetary Fund, 1992).

²⁰Lim, *The Euro's Challenge to the Dollar*.

²¹Charles P. Kindleberger, *The Politics of International Money and World Language, Essays in International Finance*, no. 61 (Princeton, N.J.: Princeton University Press, 1967).

²²Chinn and Frankel, "Will the Euro Eventually Surpass the Dollar?"; and Paul Krugman, "The International Role of the Dollar: Theory and Prospect", in *Exchange Rate Theory and Practice*, ed. John Bilson and Richard Marston (Chicago: University of Chicago Press, 1984), pp. 261–78.

Hơn nữa, có tranh luận cho rằng các tác nhân bên ngoài mạng lưới đã sinh ra sức ỳ và tính phụ thuộc vào thói quen trong việc chọn lựa sử dụng đồng tiền quốc tế và vì vậy, tạo ra lợi thế cho đồng tiền quốc tế chiếm ưu thế. Tuy nhiên, một vài nghiên cứu gần đây cho rằng ảnh hưởng của các tác nhân bên ngoài mạng lưới lên việc lựa chọn đồng tiền quốc tế là yếu, cho thấy đồng bảng Anh, đồng franc Pháp và đồng mác Đức đã chia sẻ vai trò là đồng tiền dự trữ trong những năm 1910, còn đồng bảng Anh, đồng đô la và đồng franc cũng đảm nhận vai trò đó vào những năm 1920 và 1930.²³

Trong số các điều kiện kinh tế liên quan đến quá trình quốc tế hóa đồng NDT, phần lớn các nghiên cứu có khuynh hướng đánh giá độ tin cậy của giá trị đồng NDT và mạng lưới giao dịch sẽ tạo nhiều thuận lợi cho việc quốc tế hóa đồng NDT, nhưng nhấn mạnh tính thanh khoản thấp của tiền tệ – cụ thể là việc tài khoản vốn không được tự do chuyển đổi và tình trạng kém phát triển của thị trường tài chính Trung Quốc sẽ là những trở ngại cơ bản.²⁴ Tương tự, việc các thị trường tài chính tại Nhật Bản và Đức được điều tiết chặt chẽ thường được cho là vấn đề chính ngăn cản quốc tế hóa đồng tiền yên và đồng mác Đức.²⁵ Hơn nữa, nhiều nghiên cứu vẫn còn hoài nghi về khả năng tự do hóa tài chính của Trung Quốc trong thời

²³ Xem Barry Eichengreen, *Sterling's Past, Dollar's Future: Historical Perspectives on Reserve Currency Competition* (Cambridge, Mass.: National Bureau of Economic Research, 2005); idem, *Exorbitant Privilege: The Rise and Fall of the Dollar and the Future of the International Monetary System* (Oxford: Oxford University Press, 2011); Barry Eichengreen and Marc Flandreau, *The Rise and Fall of the Dollar, or When Did the Dollar Replace Sterling as the Leading Reserve Currency?* (London: Center for Economic Policy Research, 2008); and Barry Eichengreen and Marc Flandreau, "The Federal Reserve, the Bank of England, and the Rise of the Dollar as an International Currency, 1914–1939", *Open Economies Review* 23:1 (February 2012), pp. 57–87.

²⁴ Có thể xem C. Fred Bergsten, "Why the World Needs Three Global Currencies", *Financial Times*, February 15, 2011; Benjamin J. Cohen, "Toward a Leaderless Currency System", in Helleiner and Kirshner, eds., *The Future of the Dollar*, pp. 142–63; Richard N. Cooper, *The Future of the Dollar* (Washington, D.C.: Peterson Institute for International Economics, 2009); idem, "Does the SDR Have a Future?" *Journal of Globalization and Development* 1:2 (December 2010), article 11; Dobson and Masson, "Will the Renminbi Become a World Currency?"; Barry Eichengreen, "The Dollar Dilemma: The World's Top Currency Faces Competition", *Foreign Affairs* 88:5 (September/October 2009), pp. 59–68; International Monetary Fund, *Reserve Accumulation and International Monetary Stability: Supplementary Information* (Washington, D.C., 2010); Lee, "Will the Renminbi Emerge as an International Reserve Currency?"; Mallaby and Wethington, "The Future of the Yuan"; Park, "RMB Internationalization and Its Implications for Financial and Monetary Cooperation in East Asia"; and Wu, Pan, and Wang, "Renminbi's Potential to Become a Global Currency".

²⁵ Có thể tham khảo Robert Z. Aliber, "The Costs and Benefits of the U.S. Role as a Reserve Currency Country", *Quarterly Journal of Economics* 78:3 (August 1964), pp. 442–56; Cohen, "Toward a Leaderless Currency System"; Eichengreen, *Exorbitant Privilege*; Katada, "From a Supporter to a Challenger?"; Eric Helleiner, "Enduring Top Currency, Fragile Negotiated Currency: Politics and the Dollar's International Role", in Helleiner and Kirshner, ed., *The Future of the Dollar*, pp. 69–87; Park, "RMB Internationalization and Its Implications for Financial and Monetary Cooperation in East Asia"; and George S. Tavlas, *On the International Use of Currencies: The Case of the Deutsche Mark* (Princeton, N.J.: Princeton University, 1991).

gian tới, vì điều này sẽ yêu cầu loại bỏ mô hình phát triển của Trung Quốc mà trong đó các thành phần chính bao gồm kiểm soát tín dụng và tăng trưởng xuất khẩu.

Khả năng tự do chuyển đổi của tài khoản vốn và tình hình phát triển của thị trường tài chính tại Trung Quốc hẳn có thể sẽ thúc đẩy quá trình quốc tế hóa đồng NDT. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tranh cãi xung quanh việc liệu điều kiện thị trường tài chính Trung Quốc gần đây vẫn đang và sẽ là trở ngại quan trọng nhất trong quá trình thực hiện quốc tế hóa đồng NDT hay không. Gần đây, chính phủ Trung Quốc đã lập kế hoạch đưa Thượng Hải phát triển thành trung tâm tài chính quốc tế hàng đầu đến năm 2020 và cũng trong năm đó đạt được tính có thể chuyển đổi trong tài khoản vốn.²⁶ Kế hoạch 5 năm 2011-15 của chính phủ đã lần đầu tiên đề ra những biện pháp cụ thể để tăng nhu cầu trong nước, qua đó cho thấy chính phủ Trung Quốc đã sẵn sàng thay đổi mô hình phát triển truyền thống.²⁷ Mặc dù thay đổi lớn như thế không thể thực hiện được trong vòng một đêm nhưng nó hoàn toàn khả dĩ trong vòng một thập niên. Và về mặt này, đã có một tiền lệ là trong vòng 10 năm sau khi thành lập Cục Dự trữ Liên bang năm 1913, New York đã phát triển thành trung tâm tài chính quốc tế hàng đầu, một sự quy hoạch cần thiết cho quá trình phát triển của thị trường tài chính Mỹ,²⁸ và đồng thời, đồng đô la từ vị trí mà trước đó không có sức ảnh hưởng lớn đối với quốc tế đã phát triển thành đồng tiền quốc tế hàng đầu.²⁹ Thực tế, vào giữa năm 2012, chính phủ Trung Quốc đã công bố kế hoạch thành lập một đặc khu để thử nghiệm việc tự do chuyển đổi tiền tệ tại Thâm Quyển, qua đó cho phép các ngân hàng Hồng Kông có thể cho các khách hàng Trung Quốc đại lục trong thành phố này vay trực tiếp. Kế hoạch này thành công có thể mở rộng khả năng tự do chuyển đổi của tài khoản vốn cho phần còn lại của đại lục.

Trong khi đó, thậm chí nếu thay đổi quan trọng này không được thực hiện thì sự phát triển của thị trường đồng NDT tại Hồng Kông một phần nào đó vẫn có

²⁶Lardy and Douglass, *Capital Account Liberalization and the Role of the Renminbi*; and Xinhua News "RMB Capital Account Liberalization to Be Achieved in Five Years: Forex Chief", <<http://www.xinhuanet.com/english2010>>, accessed January 18, 2011.

²⁷ Các Kế hoạch 5 năm của Trung Quốc, được thực hiện lần đầu tiên vào giai đoạn 1953-57, là một chuỗi những sáng kiến phát triển kinh tế của chính phủ.

²⁸Xem J. Lawrence Broz, *The International Origins of the Federal Reserve System* (Ithaca, N.Y.: Cornell University Press, 1997).

²⁹Eichengreen, *Exorbitant Privilege*, p. 146. Trái với lý giải thông thường rằng sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai, đồng đô la phát triển thành đồng tiền quốc tế hàng đầu, các nghiên cứu gần đây cho thấy quá trình quốc tế hóa đồng đô la diễn ra lần đầu tiên vào những năm 1920. Xem *Như trên*; Eichengreen and Flandreau, "The Rise and Fall of the Dollar, or When Did the Dollar Replace Sterling as the Leading Reserve Currency?"; and Eichengreen and Flandreau, "The Federal Reserve, the Bank of England, and the Rise of the Dollar as an International Currency, 1914–1939".

thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện quốc tế hóa đồng NDT. Trên thực tế, tự do hóa tài chính có phải là điều kiện tiên quyết cho quốc tế hóa tiền tệ hay không vẫn còn là vấn đề gây tranh cãi. Trái với những gì chúng ta đã biết, nghiên cứu gần đây của He và McCauley cho rằng tự do hóa hoàn toàn tài khoản vốn không phải là điều kiện cần, cũng không phải là điều kiện đủ để quốc tế hóa tiền tệ. Nghiên cứu cũng rút ra kết luận rằng thị trường ở nước ngoài đang phát triển có thể thúc đẩy quá trình quốc tế hóa tiền tệ, trong khi vẫn cho phép quốc gia phát hành tiền giữ quyền kiểm soát tài khoản vốn của mình.³⁰ Nghiên cứu nhấn mạnh rằng việc kiểm soát vốn chặt chẽ ở Mỹ vào những năm 1960 và đầu những năm 1970 đã không những không làm giảm sút vai trò quốc tế của đồng đô la, mà phần nào đó còn hỗ trợ sự tăng trưởng của thị trường eurodollar [eurodollar: đô la Mỹ gửi ở các ngân hàng ngoài nước Mỹ, đặc biệt là các ngân hàng Châu Âu - NHĐ], nhờ đó mà đồng đô la có được vị trí thống trị quốc tế như ngày hôm nay. Do đó nỗ lực thử nghiệm của Trung Quốc nhằm đạt được sự quốc tế hóa đồng NDT chủ yếu thông qua thị trường tại Hồng Kông trong khi hạn chế tự do hóa trên đại lục không nên vội vàng bị đánh giá là sẽ thất bại vì thiếu tiền lệ trong lịch sử.³¹

Hơn nữa, một điều đáng chú ý là các tổ chức tài chính Anh đã nỗ lực thuyết phục để London trở thành trung tâm giao dịch đồng NDT ở nước ngoài và gần đây, chính phủ Trung Quốc cùng với chính phủ Anh đã chính thức tuyên bố hỗ trợ cho mục tiêu của họ.³² Kết quả là vào tháng 2/2013, hai quốc gia đã quyết định thành lập thỏa thuận hoán đổi đồng NDT và đồng bảng Anh trong tương lai không xa.³³

Tuy nhiên, ngay cả khi các vấn đề về khả năng tự do chuyển đổi của tài khoản vốn và sự phát triển của thị trường tài chính được tạm đặt sang một bên thì những rào cản kinh tế quan trọng khác đối với việc quốc tế hóa đồng NDT vẫn còn tồn tại. Một vấn đề chính đó là quy mô kinh tế của Trung Quốc. Mặc dù Trung Quốc đã đuổi kịp Nhật Bản - nước có nền kinh tế lớn thứ hai thế giới vào năm 2010, nhưng tổng sản phẩm trong nước (GDP) tính theo tỷ giá hối đoái thị trường của nền kinh tế Trung Quốc vẫn mới chỉ bằng 1/3 so với nền kinh tế Mỹ. Giả sử trong thập niên tới Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng hàng năm là 7% thì GDP có thể

³⁰Dong He and Robert N. McCauley, *Offshore Markets for the Domestic Currency: Monetary and Financial Stability Issues* (Basel: Bank for International Settlements, 2010).

³¹Cũng xem Paola Subacchi, *"One Currency, Two Systems": China's Renminbi Strategy* (London: Chatham House, 2010).

³²Xem James Blitz, "China to Back London as Offshore Renminbi Centre", *Financial Times*, September 7, 2011; andidem, "Britain and China Strengthen Relations", *ibid.*, September 8, 2011.

³³ Hannah Kuchler, Alice Ross, and Claire Jones, "BoE in Talks with China on Currency Swap", *ibid.*, February 22, 2013.

cũng chỉ bằng một nửa của Mỹ tính tới năm 2020.³⁴ Ngay cả khi đặt ra những giả thuyết có triển vọng hơn thì Trung Quốc vẫn chưa chắc đã trở thành quốc gia có nền kinh tế lớn nhất thế giới cho tới giữa những năm 2020.³⁵ Do những hạn chế này nên đồng NDT dường như khó có thể vượt qua được vị trí thống trị của đồng đô la để trở thành đồng tiền quốc tế, đặc biệt nếu chúng ta để ý rằng đồng đô la lên ngôi trở thành đồng tiền quốc tế hàng đầu vào đầu những năm 1910 khi mà quy mô nền kinh tế của Mỹ đã lớn hơn gấp hai lần quy mô của nền kinh tế Anh.

Ai đó có thể chỉ ra rằng quy mô kinh tế của Trung Quốc sẽ tăng lên khi đo lường GDP theo sức mua tương đương (PPP). Và nhận định này chính xác. Tuy nhiên, ngay cả khi sử dụng cách tính GDP theo phương pháp này thì nền kinh tế Trung Quốc trong năm 2011 cũng vẫn mới ở mức 75% so với nền kinh tế Mỹ. Hơn nữa, GDP tính theo tỉ giá hối đoái thị trường là chỉ số thích hợp hơn để đánh giá các điều kiện kinh tế cho việc quốc tế hóa tiền tệ vì chỉ số GDP này có mối liên hệ chặt chẽ với các giao dịch quốc tế hơn so với chỉ số GDP tính theo sức mua tương đương.³⁶

Hơn thế nữa, hiện nay các kênh cung cấp đồng NDT cho thế giới khá khiêm tốn. Đây là vấn đề quan trọng của việc quốc tế hóa đồng NDT bởi vì trước khi sử dụng, các quốc gia khác phải tích lũy đồng NDT. Một kênh cung cấp đồng tiền chính cho thế giới là thông qua thâm hụt tài khoản vãng lai, nhưng Trung Quốc đã liên tiếp có mức *thặng dư* tài khoản vãng lai khổng lồ. Một quốc gia tất nhiên có thể cung cấp tiền tệ cho thế giới qua kênh trung gian tài khoản vốn, hay nói cách khác là đi vay ngắn hạn và cho vay dài hạn ngay cả khi quốc gia đó vẫn duy trì thặng dư tài khoản vãng lai. Thực tế, Anh và Mỹ đã lần lượt thực hiện chính sách này vào trước Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất và giữa thế kỷ 20 – hai nước này đã liên tục thặng dư tài khoản vãng lai.³⁷ Thực tế kênh tài khoản vốn thích hợp hơn so với kênh tài khoản vãng lai: thâm hụt tài khoản vãng lai của một quốc gia có thể đe dọa lòng tin của các nước khác về đồng tiền của nước đó, do đó sẽ gây bất lợi cho quá trình quốc tế hóa tiền tệ, đặc biệt là trong những giai đoạn đầu tiên. Tuy

³⁴ Eichengreen, *Exorbitant Privilege*, p. 147. Mặc dù giả thuyết tỉ lệ tăng trưởng hàng năm khoảng 7% thấp hơn tỉ lệ gần đây của Trung Quốc là khoảng 9-10% nhưng nó dường như là phù hợp nếu xét đến xu hướng nhân khẩu học bất lợi của quốc gia này trong tương lai, và mức này vẫn tương đối cao so với các tiêu chuẩn trong lịch sử.

³⁵Xem Ito, "China as Number One".

³⁶ Eichengreen, *Exorbitant Privilege*, p.139.

³⁷ Benjamin Cohen, "The Benefits and Costs of an International Currency: Getting the Calculus Right", *Open Economies Review* 23:1 (February 2012), p. 13–31; Emile Despres, Charles P. Kindleberger, and Walter S. Salant, "The Dollar and World Liquidity: A Minority View", *The Economist*, February 5, 1966, pp. 526–29; and Eichengreen, *Sterling's Past, Dollar's Future*, pp. 13–14.

nhiên, cung cấp đồng NDT thông qua kênh tài khoản vốn chỉ khả thi sau khi Trung Quốc đạt được tính hoán đổi tài khoản vốn đáng kể, thật sự mở cửa và phát triển thị trường tài chính.³⁸

Như vậy, cuối cùng thì dường như điều kiện kinh tế không thuận lợi cho quốc tế hóa đồng nhân dân tệ. Không giống với các quan điểm thông thường khác nhấn mạnh vào việc tài khoản vốn không được tự do chuyển đổi và sự kém phát triển của thị trường tài chính Trung Quốc, bài nghiên cứu này tập trung vào quy mô tương đối nhỏ của nền kinh tế Trung Quốc và sự hữu hạn của các kênh cung cấp đồng NDT cho thế giới.

Điều kiện chính trị để quốc tế hóa đồng nhân dân tệ

Các tài liệu nghiên cứu về quốc tế hóa tiền tệ, vốn thường chủ yếu đánh giá dưới góc độ kinh tế, có xu hướng phớt lờ tầm quan trọng của nhân tố chính trị trong vai trò là nhân tố quyết định trong quá trình này.³⁹ Tuy nhiên, các vấn đề chính trị chắc chắn tác động tới vị thế của đồng tiền quốc tế.⁴⁰ Đặc biệt khi tốc độ quốc tế

³⁸ Nhìn từ khía cạnh này, việc tài khoản vốn không được tự do chuyển đổi cùng sự kém phát triển của thị trường tài chính Trung Quốc có thể trở thành trở ngại nghiêm trọng cho quá trình quốc tế hóa của đồng Nhân Dân Tệ.

³⁹ Dĩ nhiên cũng có một số nghiên cứu kinh tế chính trị về quốc tế hóa tiền tệ. Susan Strange - tác giả của công trình nghiên cứu có tên *Sterling and British Policy: A Political Study of an International Currency in Decline* (London: Oxford University Press, 1971), là người tiên phong trong loạt nghiên cứu kinh tế chính trị về quốc tế hóa tiền tệ trong những năm đầu thập niên 1970, dẫn đến sự xuất hiện của kinh tế chính trị quốc tế như một ngành học. Tuy nhiên ngoài một số thành tựu đáng chú ý như *The Geography of Money* của Cohen và *Currency and Coercion* của Kirshner, phần lớn các nghiên cứu kinh tế chính trị về quốc tế hóa tiền tệ sau đó bị trì trệ tới tận thời gian gần đây khi những tranh cãi về tương lai thống trị quốc tế của đồng đô la nổi lên giữa cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Về các nghiên cứu kinh tế chính trị của quốc tế hóa tiền tệ gần đây, có thể tham khảo vấn đề quan trọng trong năm 2008 liên quan tới tương lai của đồng đô la và hệ thống tiền tệ quốc tế trong *Review of International Political Economy* (số 3); "Theories of International Currencies and the Future of the World Monetary Order" của Chey; và *The Future of the Dollar* do Helleiner and Kirshner biên tập.

⁴⁰ Giáo sư Strange đã phân đồng tiền quốc tế thành 4 loại theo đặc điểm của các yếu tố hỗ trợ cho sử dụng quốc tế của các đồng tiền tệ này: "đồng tiền chi phối" (master currencies), "đồng tiền ưu tiên" (top currencies), "đồng tiền đàm phán" (negotiated currencies), và "đồng tiền trung lập" (neutral currencies). "Đồng tiền chi phối" là đồng tiền có tính chất thống trị hoặc đồng tiền mà quốc gia để quốc ép buộc các nước khác sử dụng. Vị trí của loại tiền này, do đó, luôn phụ thuộc vào mối quan hệ chính trị giữa nước phát hành tiền và nước phụ thuộc. Ví dụ như mối quan hệ giữa đồng bảng Anh và khu vực sử dụng đồng bảng Anh, đồng franc Pháp và khu vực đồng sử dụng đồng franc Pháp trong quá khứ. Trái ngược với đồng tiền chi phối, đồng tiền ưu tiên sở hữu những ưu trội về mặt kinh tế, do đó, loại tiền này rất được ưa chuộng trên thị trường bởi tính đa dạng về mục đích tiền tệ quốc tế, ví dụ đồng đô la trong những năm 1950. Khái niệm "đồng tiền đàm phán" để chỉ loại tiền được cung cấp bởi nước phát hành tiền thông qua các cuộc đàm phán hoặc thỏa thuận chính trị với các nước khác, cung cấp cho họ các khoản khích lệ như lợi ích kinh tế, hỗ trợ quân sự và ngoại giao, trong đó đồng bảng Anh trong thời kì hậu chiến và đồng đô la trong những năm 1960 là ví dụ. Cuối cùng, "đồng tiền trung lập" là đồng tiền mà việc sử dụng của nó trên phạm vi quốc tế chủ yếu

hóa một loại tiền tệ tăng lên hoặc giảm xuống, thì khi đó các đặc điểm kinh tế nội tại của đồng tiền thường không thể đủ lớn để đảm bảo cho việc đồng tiền được sử dụng rộng rãi trên phạm vi quốc tế. Trong các thời điểm này, nhân tố chính trị cũng có thể gây ảnh hưởng lớn tới việc sử dụng đồng tiền quốc tế.

Hoạt động chính trị có thể ảnh hưởng đến quá trình quốc tế hóa tiền tệ thông qua cả hai con đường trực tiếp và gián tiếp.⁴¹ Trong con đường gián tiếp, chính trị ảnh hưởng đến việc sử dụng đồng tiền quốc tế bằng cách tác động lên các nhân tố kinh tế quyết định vị thế quốc tế của đồng tiền như đã thảo luận ở trên. Ví dụ, trong thập niên 1910 và 1920, khi mà đồng đô la bắt đầu lên ngôi trở thành đồng tiền quốc tế, Cục Dự trữ Liên bang đóng vai trò chủ chốt thúc đẩy quá trình quốc tế hóa đồng đô la bằng cách tích cực xây dựng thị trường chấp nhận giao dịch bằng đồng đô la, và sự gia tăng đó đã góp phần quan trọng vào quá trình quốc tế hóa đồng đô la.⁴² Trong khi đó, thông qua con đường trực tiếp, chính trị ngay lập tức ảnh hưởng đến việc sử dụng tiền tệ mà không cần quan tâm đến nhân tố kinh tế quyết định. Ví dụ, đầu thế kỉ 20, khi đồng đô la trở thành đồng tiền quốc tế, các nhà hoạch định chính sách Mỹ đã tích cực sử dụng “ngoại giao đô la hóa” tại nhiều quốc gia Mỹ Latinh nhằm khuyến khích các quốc gia đó sử dụng đồng đô la, thậm chí kêu gọi thành lập liên minh tiền tệ sử dụng đồng đô la thu hút tất cả các quốc gia châu Mỹ, qua đó để thúc đẩy ảnh hưởng và lợi ích kinh tế của Mỹ trong khu vực.⁴³ Trong khi đó, do xu hướng gần đây trong việc các nhà nước gia tăng đáng kể dự trữ ngoại hối và sự xuất hiện của các quỹ đầu tư quốc gia hoạt động như những nhà đầu tư toàn cầu lớn, sự ảnh hưởng của các nhân tố chính trị lên vị thế của đồng tiền quốc tế hiện nay có thể đã trở nên lớn hơn so với trong quá khứ.⁴⁴

Trong số các nhân tố chính trị quyết định vị thế của đồng tiền quốc tế, bài nghiên cứu này tập trung đặc biệt đến một nhân tố hệ thống: quyền lực chính trị quốc tế.⁴⁵ Quyền lực chính trị quốc tế có ảnh hưởng quan trọng đến vị thế của

dựa vào vị thế kinh tế mạnh, chứ không nhất thiết phải là vai trò bá chủ, của nước phát hành, ví dụ như đồng franc Thụy Sĩ và Đan Mạch. Hệ thống các loại đồng tiền quốc tế này hoàn toàn không loại trừ lẫn nhau mà một số đồng tiền có thể thuộc nhiều hơn một loại hình tiền tệ quốc tế tại một thời điểm. Tham khảo Strange, *Sterling and British Policy*, trang 1–40.

⁴¹ Helleiner, “Political Determinants of International Currencies”.

⁴² Eichengreen, *Exorbitant Privilege*, pp. 28–30.

⁴³ Eric Helleiner, “Dollarization Diplomacy: U.S. Policy towards Latin America Coming Full Circle?” *Review of International Political Economy* 10:3 (August 2003), pp. 406–29.

⁴⁴ Helleiner, “Enduring Top Currency, Fragile Negotiated Currency”, pp. 77–78.

⁴⁵ Nhà kinh tế đoạt giải Nobel Robert Mundell cũng bình luận rằng “ Các cường quốc lớn có những đồng tiền lớn (“Great powers have great currencies”. Xem Robert A. Mundell, *EMU and the International Monetary System: A transatlantic Perspective* (Vienna: Austrian National Bank, 1993).

đồng tiền quốc tế thông qua con đường cả trực tiếp và gián tiếp. Ví dụ, thông qua con đường gián tiếp, quyền lực chính trị quốc tế của quốc gia phát hành đồng tiền quốc tế được công nhận rộng rãi như là một nguồn tin cậy lớn nhất về giá trị của đồng tiền, đặc biệt là trong hệ thống tín tệ (fiat money, hay tiền giấy) hiện hành.⁴⁶ Nếu tình hình an ninh của quốc gia phát hành bị đe dọa nghiêm trọng thì động lực để các nước khác sử dụng đồng tiền của quốc gia đó, đặc biệt nhằm lưu trữ giá trị, sẽ giảm đáng kể.

Quyền lực chính trị quốc tế của một quốc gia cũng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến việc sử dụng đồng tiền của quốc gia đó trên phạm vi quốc tế theo ba cách khác nhau. Thứ nhất, quyền lực chính trị quốc tế gia tăng của quốc gia phát hành sẽ nâng cao khả năng của quốc gia đó trong việc khuyến khích các nước khác tích cực sử dụng đồng tiền của mình thông qua các biện pháp như hỗ trợ về quân sự, ngoại giao, kinh tế và thậm chí là ép buộc - như đã đề cập trong trường hợp ngoại giao đô la hóa vào đầu thế kỉ 20 ở trên khi Mỹ đang nhanh chóng mở rộng tầm ảnh hưởng quân sự và kinh tế của mình lên các nước châu Mỹ Latinh.⁴⁷ Thứ hai, quyền lực chính trị quốc tế của quốc gia phát hành tiền cũng có khả năng đẩy mạnh việc sử dụng đồng tiền của quốc gia đó trên phạm vi quốc tế thông qua việc tăng cường quyền lực cơ cấu. Đó là do sự phụ thuộc về quân sự và kinh tế của các quốc gia khác vào quốc gia phát hành tiền có xu hướng tạo ra các động cơ tự thân khiến các quốc gia này muốn củng cố mối quan hệ của mình với quốc gia phát hành tiền thông qua việc sử dụng rộng rãi đồng tiền của nó. Ví dụ, khi đồng franc Pháp và đồng Mác Đức chia sẻ vai trò là đồng tiền dự trữ với đồng bảng Anh trong những năm 1910, việc sử dụng các đồng tiền này đặc biệt phổ biến trong các khu vực có mối liên kết tài chính và thương mại mạnh mẽ với Pháp và Đức.⁴⁸ Cuối cùng, quyền

Và quả thực, mối quan hệ giữa quyền lực chính trị quốc tế và quá trình quốc tế hóa tiền tệ đôi khi đã được ghi nhận và chú ý trong các tài liệu, nhưng hiếm khi được thảo luận một cách có hệ thống. Trong khi đó, cùng với các nhân tố chính trị có hệ thống, các nhân tố chính trị trong nước có thể cũng ảnh hưởng đến quá trình quốc tế hóa tiền tệ. Và bởi vì chính phủ Trung Quốc đã tích cực đẩy mạnh quá trình quốc tế hóa đồng nhân dân tệ cho nên chính trị trong nước của Trung Quốc dường như phần lớn là ủng hộ cho mục đích này, mặc dù chính phủ có vẻ là có khả năng điều khiển tốc độ và phạm vi của quá trình quốc tế hóa đồng nhân dân tệ một cách cẩn thận trong giai đoạn đầu, đặc biệt liên quan đến tự do hóa tài chính. Để tìm hiểu về chính trị trong nước của quốc tế hóa đồng nhân dân tệ tại Trung Quốc, có thể tham khảo Helleiner and Malkin, "Sectoral Interests and Global Money"; Mallaby and Wethington, "The Future of the Yuan", pp. 138-40; and Subramanian, *Renminbi Rules*, pp. 20-22.

⁴⁶ Tín tệ (fiat money) là loại tiền mà chính phủ tuyên bố là hợp pháp dù chất liệu làm ra nó không có giá trị mấy.

⁴⁷ Xem Helleiner, "Dollarization Diplomacy".

⁴⁸ Subramanian, *Renminbi Rules*, p.8. Trong năm 1913, đồng bảng Anh, đồng franc Pháp và đồng Mác Đức trong dự trữ ngoại hối của thế giới lần lượt chiếm 38%, 24% và 13%.

lực chính trị quốc tế của quốc gia phát hành tiền cũng có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng đồng tiền trên phạm vi quốc tế thông qua cơ chế quyền lực mềm.⁴⁹

Tác động quan trọng của quyền lực chính trị quốc tế lên trật tự tiền tệ quốc tế cũng được minh họa bằng cách xem xét quá trình tiến triển tuần tự của đồng đô la trở thành đơn vị tiền tệ quốc tế dẫn đầu từ một góc nhìn rộng hơn. Như đã đề cập trước đó, đồng đô la bắt đầu đảm nhiệm vai trò này vào những năm 1910 khi Mỹ đã trở thành quốc gia có quyền lực lớn mạnh trên thế giới (mặc dù Anh vẫn là quốc gia lớn mạnh nhất thế giới và đồng bảng Anh là đồng tiền quốc tế hàng đầu.)⁵⁰ Sau Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất, Mỹ trở thành quốc gia có quyền lực lớn nhất thế giới; đồng đô la thế chỗ đồng bảng Anh để trở thành đồng tiền dự trữ dẫn đầu thế giới khoảng năm 1924 và chiếm hơn một nửa tổng dự trữ ngoại hối thế giới tính đến năm 1929. Đồng đô la tạm thời nhường vị trí đồng tiền quốc tế hàng đầu cho đồng bảng Anh thời gian sau cuộc Đại Suy thoái vốn làm Mỹ suy yếu nhiều hơn so với các quốc gia khác trong suốt những năm 1930.⁵¹ Tuy nhiên, đồng đô la đã lấy lại vị thế cao nhất của mình cùng với việc củng cố nền hòa bình thế giới dưới sự bá chủ của Mỹ (Pax Americana) sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai.⁵²

⁴⁹Ảnh hưởng tích cực của quyền lực quốc tế của một quốc gia lên quá trình quốc tế hóa tiền tệ, và tác động tích cực của quá trình quốc tế hóa tiền tệ lên quyền lực quốc tế của quốc gia phát hành tiền đã được thảo luận trước đó cho thấy giữa quyền lực quốc tế và quá trình quốc tế hóa tiền tệ có mối quan hệ nhân quả.

⁵⁰ Mặc dù đã bắt kịp GDP của Anh từ trước Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất, nhưng Mỹ trở thành cường quốc kinh tế chiếm ưu thế ở phạm vi rộng bao gồm thương mại và tài chính chỉ sau khi chiến tranh kết thúc. Trước chiến tranh, quân sự của Anh cũng lớn mạnh hơn Mỹ. Xem Paul Kennedy, *The Rise and Fall of the Great Powers: Economic Change and Military Conflict from 1500 to 2000* (New York: Random House, 1987), p. 247; and Subramanian, *Renminbi Rules*.

⁵¹ Tỷ trọng sản lượng công nghiệp của Mỹ đã giảm đáng kể, ví dụ, từ 43% năm 1929 xuống còn 29% năm 1938, thấp hơn so với bất kỳ năm nào kể từ thập niên 1910 trong khi tỷ trọng của Anh vẫn duy trì ở mức 9-10% trong suốt giai đoạn này. Xem Kennedy, *The Rise and Fall of the Great Powers*, pp. 329–30

⁵² Báo cáo về sự lên ngôi của đồng đô la như đồng tiền quốc tế hàng đầu chủ yếu dựa vào nghiên cứu của Eichengreen và Flandreau và nghiên cứu của Kennedy và Krasner về những thay đổi của các cường quốc. Xem *ibid.*; Eichengreen and Flandreau, "The Rise and Fall of the Dollar, or When Did the Dollar Replace Sterling as the Leading Reserve Currency?"; and Stephen D. Krasner, "State Power and the Structure of International Trade", *World Politics* 28:3 (April 1976), pp. 317–47. Theo báo cáo trước đây, đồng bảng Anh không bị mất vị thế là đồng tiền quốc tế hàng đầu cho đến khi Chiến tranh Thế giới lần thứ hai kết thúc, quan sát thấy đồng đô la thay thế vai trò của đồng bảng Anh trong những năm 1920 trong khi chỉ chú ý đến việc đồng bảng Anh đã lấy lại ưu thế vào những năm 1930. Trong khi đó, Eichengreen nhấn mạnh rằng nhân tố chủ chốt giải thích cho việc lên ngôi của đồng đô la với vai trò đồng tiền quốc tế hàng đầu, đó là quá trình phát triển thị trường tài chính của Mỹ, trong đó phần lớn là do sự thành lập Cục dự trữ Liên bang năm 1913. Xem Eichengreen, *Exorbitant Privilege*; and *idem*, "The Renminbi as an International Currency". Tuy nhiên, đúng là quá trình phát triển của thị trường tài chính Mỹ đã hỗ trợ quốc tế hóa đồng đô la, bài báo cáo dường như không giải thích cặn kẽ sự sụt lụi của đồng đô la trong những năm 1930. Thực vậy, việc Anh

Về mặt này, vấn đề chủ chốt hiện tại liên quan đến quốc tế hóa đồng NDT là mức độ mà Trung Quốc “được” và Mỹ “mất” quyền lực chính trị quốc tế. Xét về mặt quân sự và kinh tế, quyền lực của Mỹ dường như vẫn còn mạnh hơn Trung Quốc. Như đã lưu ý ở trên, bất chấp tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng trong những thập niên qua, nền kinh tế Trung Quốc vẫn chỉ bằng 1/3 quy mô kinh tế của Mỹ và phải mất ít nhất 15 năm để nền kinh tế Trung Quốc có thể bắt kịp nền kinh tế của Mỹ.⁵³ Trong khi đó, trái lại, nền kinh tế Mỹ gấp hơn hai lần quy mô nền kinh tế Anh vào đầu thập niên 1910 (khi đồng đô la Mỹ bắt đầu nổi lên đóng vai trò là đồng tiền quốc tế) và lớn hơn bốn lần vào cuối những năm 1920, khi đồng đô la thay thế một cách vững chắc đồng bảng Anh để trở thành đồng tiền quốc tế hàng đầu.⁵⁴

Cho đến bây giờ, Mỹ vẫn là nhà nhập khẩu lớn nhất thế giới, nhà đầu tư FDI lớn nhất, và điểm đến hấp dẫn nhất cho dòng vốn FDI, vượt qua Trung Quốc rất nhiều trong các lĩnh vực bất chấp khủng hoảng tài chính toàn cầu gần đây. Mỹ cũng có ưu thế quân sự vượt trội so với Trung Quốc, nhờ đó Mỹ vẫn tiếp tục cung cấp các hỗ trợ an ninh cho các đồng minh trên thế giới thậm chí sau khi kết thúc Chiến tranh Lạnh. Trên thực tế, chi tiêu quân sự của Mỹ chiếm 41% chi tiêu quân sự thế giới trong năm 2011, trong khi chi tiêu của Trung Quốc đạt tổng cộng chỉ có 8%. Mỹ sở hữu khoảng 2.150 vũ khí hạt nhân hoạt động được, Trung Quốc chỉ có khoảng 40.⁵⁵

Khảo sát của Trung tâm Pew năm 2011 về sự yêu thích đối với các quốc gia cũng đã làm sáng tỏ một điểm đáng chú ý về những ảnh hưởng chính trị quốc tế của hai quốc gia đang cạnh tranh nhau này.⁵⁶ Các cường quốc chính ở châu Á là Nhật Bản và Ấn Độ đã bày tỏ thái độ ủng hộ Mỹ hơn là ủng hộ Trung Quốc, cho thấy thành công lớn của của Mỹ trong việc thực thi quyền lực mềm ngay cả tại các nước láng giềng của Trung Quốc.⁵⁷ Trong khi đó, các nước phương Tây lớn như Anh, Pháp, Đức và Tây Ban Nha, cũng như các nước láng giềng lớn của Mỹ như

từ bỏ chế độ bản vị vàng có lẽ đã có ảnh hưởng trái chiều nghiêm trọng đến vị thế quốc tế của đồng bảng Anh, xảy ra sớm hơn hai năm so với Mỹ, năm 1931 so với năm 1933.

⁵³ Eichengreen, *Exorbitant Privilege*, p. 147; and Ito, “China as Number One”.

⁵⁴ Kennedy, *The Rise and Fall of the Great Powers*, p.243; and Krasner, “State Power and the Structure of International Trade”, p.345.

⁵⁵ Stockholm International Peace Research Institute (SIPRI), *SIPRI Yearbook 2012: Armaments, Disarmament, and International Security* (Oxford: Oxford University Press, 2012).

⁵⁶ Pew Research Center, “China Seen Overtaking U.S. as Global Superpower”, 2011, <<http://pewglobal.org/2011/07/13/china-seen-overtaking-us-as-global-superpower>>, accessed July 26, 2011.

⁵⁷ Tại Nhật Bản, 85% số người được hỏi ủng hộ Mỹ, còn 61% phản đối Trung Quốc. Ở Ấn Độ, 41% bày tỏ quan điểm ủng hộ Mỹ, trong khi chỉ có 25% ủng hộ Trung Quốc.

Mexico và Brazil, cũng có quan điểm tích cực đối với Mỹ hơn so với Trung Quốc,⁵⁸ điều này cho thấy quyền lực mềm của Trung Quốc vẫn còn khá yếu trong các khu vực có quan hệ truyền thống gần gũi với Mỹ.

Do đó, Mỹ dường như vẫn nắm quyền lực chính trị quốc tế lớn hơn Trung Quốc, mặc dù nền kinh tế Trung Quốc đã phát triển nhanh chóng trong các thập niên gần đây. Và trong bối cảnh toàn cầu, đồng đô la có nhiều lợi thế hơn so với đồng NDT, bởi những lực hướng tâm lớn đảm bảo tiếp tục sử dụng đồng đô la có thể phát huy ở cấp độ này. Rốt cục, việc đồng NDT thay thế vị trí của đồng đô la trong vai trò đồng tiền quốc tế chủ chốt sẽ khó có thể xảy ra, ít nhất là trong tương lai gần.

Chưa phải là đồng tiền quốc tế nhưng có thể là đồng tiền khu vực

Tuy nhiên, khi cân nhắc đến tiềm lực kinh tế của Trung Quốc trong cũng như ngoài khu vực châu Á, đồng NDT, ở mức độ nào đó, rất có khả năng trở thành đồng tiền thống trị châu lục này. Trên thực tế, lượng giao dịch thương mại của các nước châu Á với Trung Quốc đã vượt xa so với giao dịch với Mỹ. Hồng Kông - trung tâm tài chính chính của đồng NDT, là một trong những trung tâm tài chính dẫn đầu thế giới, xếp thứ 3 chỉ sau London và New York theo Bảng xếp hạng các Trung tâm Tài chính Toàn cầu tháng 9/2012.⁵⁹ Hơn nữa, trong khi Trung Quốc vẫn đang duy trì thặng dư tài khoản vãng lai rất lớn so với cả thế giới, thì tính trung bình nước này vẫn chịu thâm hụt thương mại hàng năm với các nước láng giềng khu vực Đông Á trong suốt những năm 2000. Nếu xu hướng này còn tiếp diễn trong tương lai thì nó sẽ thúc đẩy các nước trong khu vực tích trữ đồng NDT, từ đó góp phần không nhỏ vào quá trình quốc tế hóa đồng NDT.

Chính phủ Trung Quốc đã bắt tay vào việc thiết lập mục tiêu phát triển đồng NDT, trước tiên trở thành đồng tiền châu Á, và đã đưa ra các chính sách có chủ ý hướng tới mục tiêu này. Ví dụ, các thỏa thuận hoán đổi tiền tệ song phương của Trung Quốc với nước ngoài tập trung vào khu vực châu Á, cụ thể là với 13 trong tổng số 19 quốc gia/vùng lãnh thổ khu vực châu Á hoặc châu Á-Thái Bình Dương, bao gồm Hồng Kông, Hàn Quốc, Malaysia, Indonesia, Singapore, Thái Lan, Pakistan, Mongolia, Uzbekistan, Kazakhstan, New Zealand, Úc và Đài Loan.

⁵⁸ Tỷ lệ tương ứng của người được hỏi ủng hộ Mỹ và Trung Quốc là 61% và 59% ở Anh, 75% và 51% ở Pháp, 62% và 34% ở Đức, 64% và 55% ở Tây Ban Nha, 52% và 39% ở Mexico, và 62% và 49% ở Brazil.

⁵⁹Mark Yeandle, "The Global Financial Centres Index 12", *Long Finance*, 2012, <<http://www.longfinance.net/Publications/GFCI%2012.pdf>>, accessed November 9, 2012.

Các thỏa thuận hoán đổi trên là ví dụ cho thấy cách Trung Quốc sử dụng quyền lực chính trị quốc tế để quốc tế hóa đồng NDT: các giao dịch hoán đổi này có thể tạo động lực đáng kể cho các nước tiếp nhận thúc đẩy việc sử dụng đồng NDT để đạt được lợi ích theo ba cách. Thứ nhất, các hoán đổi mở ra một con đường mới cho các nước có nguồn dự trữ đồng NDT chi trả cho nhập khẩu từ Trung Quốc, từ đó khuyến khích mạnh mẽ việc sử dụng đồng NDT làm đồng tiền thanh toán trong thương mại. Thứ hai, các hoán đổi tiền tệ có thể mang lại thanh khoản ngoại hối cho các nước tiếp nhận, do đó góp phần không nhỏ vào sự ổn định tài chính của các nước đó trong giai đoạn khủng hoảng. Cuối cùng, như đã đề cập, các ngân hàng trung ương có giao dịch hoán đổi với Trung Quốc được phép đầu tư vào thị trường trái phiếu liên ngân hàng ở đại lục. Điều đó cũng góp phần làm tăng tỷ lệ đồng NDT trong dự trữ ngoại hối của các ngân hàng trên. Đáng lưu ý là các ngân hàng trung ương Malaysia và Thái Lan đã mua vào một lượng lớn trái phiếu định danh bằng đồng NDT làm dự trữ ngoại hối. Trong khi đó, ngân hàng trung ương Hàn Quốc – nơi có dự trữ ngoại hối lớn thứ 8 thế giới - cũng đã lập ra những kế hoạch kĩ càng để đầu tư một phần dự trữ của mình vào các tài sản định danh bằng đồng NDT ở Trung Hoa đại lục nhằm đa dạng hóa dự trữ, thoát khỏi sự thống trị của đồng đô la.⁶⁰

Một động thái trực tiếp khác minh chứng cho sức mạnh chính trị toàn cầu của Trung Quốc, và cũng là một chính sách tiềm năng đáng chú ý trong quá trình quốc tế hóa đồng NDT ở châu Á, đó là mua nợ quốc gia của các nước trong khu vực. Hành động này có thể gây áp lực khiến đồng tiền của các quốc gia châu Á này tăng giá, qua đó gia tăng động lực để các quốc gia này mua nợ của Trung Quốc nếu được phép, với mục đích bảo vệ xuất khẩu thông qua việc kìm hãm sự tăng giá đồng tiền của chính các quốc gia này. Và đương nhiên, mục tiêu cuối cùng vẫn là phục vụ cho việc quốc tế hóa đồng NDT ở châu Á.

Trên thực tế, chính phủ Trung Quốc đã nhanh chóng mua vào lượng lớn trái phiếu chính phủ của Nhật Bản và Hàn Quốc vào quý III năm 2010, từ đó làm tăng giá đáng kể đồng won và đồng yên khiến bộ trưởng tài chính Nhật Bản phải phàn nàn về việc tài khoản vốn không được tự do chuyển đổi của Trung Quốc đã ngăn chặn tương tác lại từ phía Nhật Bản như thế nào.⁶¹ Đáng lưu ý, đa dạng hóa danh mục dự trữ ngoại hối của Trung Quốc là một trong những mục tiêu quan trọng

⁶⁰“Malaysian Bond Boost for Renminbi”, *Financial Times*, September 19, 2010; “SouthKorea Seeks to Shift Reserves to China”, *ibid.*, May 4, 2011; “Taiwan May Hold RMB Reserves after Signing Currency Swap Deal”, *Wanted China Times*, September 1, 2012, <<http://www.wantedchinatimes.com/news-subclasscnt.aspx?id¼20120901000039&cid¼1102>>, accessed February 23, 2013.

⁶¹ “Mending Fences in Beijing and Tokyo”, *Financial Times*, September 14, 2010.

trong Kế hoạch 5 năm mới đây của nước này vì sự đa dạng hóa đó có thể được thực hiện thông qua việc tăng lượng mua vào trái phiếu chính phủ của các nước châu Á, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình quốc tế hóa đồng NDT ở khu vực này. Quả thật, công trình gần đây của một nhà nghiên cứu cấp cao tại Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Trung Quốc - tổ chức nghiên cứu hàng đầu Trung Quốc về lĩnh vực này, đã đề xuất sử dụng trái phiếu chính phủ từ các quốc gia châu Á thay cho trái phiếu của Mỹ để dự trữ ngoại hối. Đề xuất này đã được đưa ra dưới một tiêu đề đậm nét chính trị: "Các nước châu Á có muốn giữ nhiều tài sản châu Á hơn trong dự trữ ngoại hối của mình không? Câu trả lời của Trung Quốc".⁶²

Đồng NDT phát triển thành đồng tiền châu Á chắc chắn không thể làm biến mất sự hiện diện của đồng đô la tại châu lục này nhưng cũng làm giảm đáng kể việc sử dụng "đồng bạc xanh". Trên thực tế, các nhân tố địa chính trị một phần nào đó cũng góp phần làm chậm quá trình suy giảm ảnh hưởng của đồng đô la ở đây. Mặc dù một số nước nhỏ có thể có nhiều động lực để dự trữ đồng NDT nhằm chiêu lòng Trung Quốc khi quyền lực của nước này gia tăng, các nước đối thủ của Trung Quốc như Nhật Bản và Ấn Độ có thể không muốn phụ thuộc chỉ vào mỗi đồng NDT nếu như họ có lựa chọn khác, và đồng đô la tiếp tục là lựa chọn đó trong tương lai. Quả thật, sự ưa chuộng đồng đô la như đã được nói ở trên đã chỉ ra rằng hai nước này đều không mấy hào hứng trong việc sử dụng NDT thay thế cho đồng đô la.

Kết luận

Quốc tế hóa tiền tệ về cơ bản là vấn đề kết hợp cả yếu tố chính trị và kinh tế chứ không đơn giản chỉ thuộc riêng về lĩnh vực kinh tế. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu quốc tế hóa đồng NDT lại chỉ tiếp cận vấn đề dưới góc độ kinh tế mà bỏ qua những khía cạnh chính trị. Với nỗ lực bổ sung vào khoảng trống quan trọng đó, tài liệu này phân tích quốc tế hóa đồng NDT dưới góc nhìn kinh tế chính trị, từ đó đóng góp thêm một số ý kiến thảo luận mở rộng về chủ đề này.

Quốc tế hóa đồng NDT, nếu có thể thực sự thành công, được kì vọng sẽ tạo ra những thay đổi đáng kể có lợi cho Trung Quốc về cả chính trị lẫn kinh tế, từ đó mở rộng sức mạnh nâng Trung Quốc lên một tầm cao mới trên vũ đài kinh tế chính trị thế giới. Tuy nhiên, căn cứ vào những điều kiện kinh tế- chính trị trong quá trình này, ít nhất là trong tương lai gần, rất khó để đồng NDT có thể soán ngôi đồng đô

⁶² Bin Zhang, "Is It Desirable for Asian Economies to Hold More Asian Assets in Their Foreign Exchange Reserves? The People's Republic of China's Answer", Asian Development Bank Institute, Working Paper, no. 306 (Tokyo), 2011, <<http://www.adbi.org/files/2011.08.29.wp306.foreign.exchange.reserves.prc.pdf>>.

la trở thành đồng tiền quốc tế dẫn đầu, mặc dù quá trình quốc tế hóa đồng NDT có thể đã đạt được những thành tựu nhất định ở châu Á - sân nhà của Trung Quốc.

Tuy việc quốc tế hóa đồng NDT có thể chỉ diễn ra mạnh mẽ ở khu vực châu Á nhưng chúng ta cũng không nên chủ quan trước những ảnh hưởng không hề nhỏ lên hệ thống kinh tế chính trị thế giới của nó. Trong hàng loạt các vấn đề hiện nay, đồng NDT phát triển thành đồng tiền châu Á đồng nghĩa với việc cung cấp thêm đồng tiền dự trữ thay thế cho đồng đô la ở châu Á, khu vực dự trữ khối lượng đồng đô la lớn nhất thế giới. Và kéo theo đó, khả năng cân bằng các thâm hụt tài khoản vãng lai bằng nội tệ của Mỹ sẽ giảm đáng kể, đặt Mỹ dưới sức ép thị trường rất lớn buộc nước này phải có những ứng xử kỷ luật hơn. Điều này cũng góp phần giảm nguy cơ tái diễn cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu thông qua việc làm dịu bớt vấn đề mất cân bằng toàn cầu hiện nay. Trong khi đó, nếu sự tự chủ trong chính sách của một quốc gia là điều kiện tiên quyết để mở rộng ảnh hưởng ra bên ngoài thì việc giảm tự chủ chính sách ở Mỹ cũng sẽ làm suy yếu khả năng của cường quốc này trong việc duy trì ảnh hưởng toàn cầu. Tuy nhiên, mặt khác, quốc tế hóa đồng NDT cũng mang đến lợi ích cho Mỹ do đồng NDT sẽ tăng giá, nhờ đó thúc đẩy khả năng cạnh tranh của các công ty Mỹ.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;

- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đảm ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.
- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên cách trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: nghiencuuquocte@gmail.com.